

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 07-9-2020  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Khởi;

2. Ông Lý Thanh Phong;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn B;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 117, ấp A, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Khuru Thị Út L;

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-10-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Dương Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Khuru Thị Út L tự nguyện kết hôn với nhau, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 05-4-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau tại ấp B, xã P, huyện M. Thời gian đầu, vợ chồng anh sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Nay anh thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh chung sống với nhau có được 02 đứa con, tên là Dương Gia H, sinh ngày 19-02-2009 và Dương Gia C, sinh ngày 05-02-2012. Hiện tại, các con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, anh giao các con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 750.000 đồng/cháu cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh không có nên anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Khuru Thị Út L:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị biết nhưng chị không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh B. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ chị tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng chị đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho chị biết kết quả phiên họp. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là anh B đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn là chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt chị L. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh B, cho anh ly hôn với chị L, giao các con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không có ý kiến gì, nhưng anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 750.000 đồng/cháu

cho đến khi các con tròn 18 tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh B; còn về tài sản chung và nợ chung, anh B cho rằng không có, không yêu cầu và chị L cũng không có ý kiến gì nên đề nghị không đặt ra xem xét.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Dương Văn B, bị đơn chị Khuru Thị Út L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy, đối với anh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn chị L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B và chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh B, chị L kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 05-4-2013 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*. Như vậy, anh B có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L.

[3] Xét yêu cầu và lý do xin ly hôn của anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian đầu sau khi kết hôn, anh B và chị L chung sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc nữa và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên hai người đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mời hai bên hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng chị L không đến và anh B vẫn cương quyết xin ly hôn. Như vậy, cả hai người đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, cho anh ly hôn với chị L.

[4] Về con chung: Anh B và chị L có 02 đứa con là cháu Dương Gia H, sinh ngày 19-02-2009 và Dương Gia C, sinh ngày 05-02-2012. Khi ly hôn, anh B giao các cháu cho chị L nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Vợ, chồng thỏa*

*thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B và chị L không có thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Từ khi hai người không còn sống chung với nhau cho đến nay, cả hai cháu đều sống chung với chị L, do chị chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với chị L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và tránh xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H và C cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.*

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không có gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về vấn đề này. Tuy nhiên, anh B là người không trực tiếp nuôi con và cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/cháu. Sự tự nguyện này của anh B là phù hợp với quy định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận, đồng thời buộc anh B cấp dưỡng nuôi con từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[6] Ngoài ra, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 còn quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Như vậy, anh B là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B cho rằng không có, không yêu cầu và chị L cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Như vậy, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[9] Về án phí sơ thẩm: Anh B là người xin ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Dương Văn B và chị Khuru Thị Út L.

**2. Về con chung:**

- Giao các cháu Dương Gia H, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2009 và Dương Gia C, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2012 cho chị Khuru Thị Út L tiếp tục nuôi dưỡng.

- Anh Dương Văn B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 07 tháng 9 năm 2020) cho đến khi các con tròn 18 (mười tám) tuổi. Địa điểm cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Anh Dương Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Anh Dương Văn B và chị Khuru Thị Út L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

**4. Về án phí sơ thẩm:** Anh Dương Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000376 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, anh phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- UBND xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Hoàng Lâm**